Chi tiết mã HS 8202.39.00

Mã HS	8202.39.00
Mô tả hàng hóa	Cưa tay; lưỡi cưa các loại (kể cả các loại lưỡi rạch, lưỡi khía răng cưa hoặc lưỡi cưa không răng) / - Lưỡi cưa đĩa (kể cả các loại lưỡi cưa đã rạch hoặc khía): / - - Loại khác, kể cả các bộ phận
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 04:53:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/82023900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12506
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12506
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12506
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11854
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11797
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11797
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11797
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11797
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11797
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11797
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11849
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11849

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11849
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11849
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11849
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11849
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11850
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11850
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11850
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11850
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11850
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11850
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11853
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11803
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11809
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11809
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11809
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11809
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11809
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11809
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11842
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11842
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11842
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11842
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11842
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11842
VCFTA	2022	2022	0	VC!D11887
VCFTA	2023	2023	0	VC!E11887

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11887
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11887
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11887
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11887
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11872
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11872
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11872
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11872
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11872
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11872
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11872
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11872
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11872
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11872
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11872
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11872
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D11889
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11889
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11889
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11889
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11889
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11889
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D11888
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11888
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11888
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11888

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11888
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11888
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11835
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11835
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11835
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11835
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11835
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11835
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11835
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11872
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11872
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11872
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11872
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11872
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11872
RCEP B	2022	2022	0	B!D11872
RCEP B	2023	2023	0	B!E11872
RCEP B	2024	2024	0	B!F11872
RCEP B	2025	2025	0	B!G11872
RCEP B	2026	2026	0	B!H11872
RCEP B	2027	2027	0	B!I11872
RCEP C	2022	2022	0	C!D11872
RCEP C	2023	2023	0	C!E11872
RCEP C	2024	2024	0	C!F11872
RCEP C	2025	2025	0	C!G11872
RCEP C	2026	2026	0	C!H11872

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11872
RCEP D	2022	2022	0	D!D11871
RCEP D	2023	2023	0	D!E11871
RCEP D	2024	2024	0	D!F11871
RCEP D	2025	2025	0	D!G11871
RCEP D	2026	2026	0	D!H11871
RCEP D	2027	2027	0	D!I11871
RCEP E	2022	2022	0	E!D11875
RCEP E	2023	2023	0	E!E11875
RCEP E	2024	2024	0	E!F11875
RCEP E	2025	2025	0	E!G11875
RCEP E	2026	2026	0	E!H11875
RCEP E	2027	2027	0	E!I11875
RCEP F	2022	2022	0	F!D11872
RCEP F	2023	2023	0	F!E11872
RCEP F	2024	2024	0	F!F11872
RCEP F	2025	2025	0	F!G11872
RCEP F	2026	2026	0	F!H11872
RCEP F	2027	2027	0	F!I11872
VIFTA	2024	2024	1,3	VI!F10981
VIFTA	2025	2025	0.7	VI!G10981
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10981
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10981

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8202.39.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 8202.39.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12506), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.